

Biểu mẫu 07

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦN THẠNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	20	1,77
1	Phòng học kiên cố	20	1,77
2	Phòng học bán kiên cố	-	-
3	Phòng học tạm	-	-
4	Phòng học nhờ, mượn	-	-
III	Số điểm trường lẻ	-	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5800	5800
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3757	3757
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	960	960
2	Diện tích thư viện (m ²)	80	80
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đá năng (m ²)	208	208
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	144	144
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	72	72
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	72	72
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48	48
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	24	24
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	48	48
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	16	Số bộ/lớp



1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	4	1
1.2	Khối lớp 2	3	1
1.3	Khối lớp 3	4	1
1.4	Khối lớp 4	4	1
1.5	Khối lớp 5	4	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	/	/
2.1	Khối lớp 1	/	/
2.2	Khối lớp 2	/	/
2.3	Khối lớp 3	/	/
2.4	Khối lớp 4	/	/
2.5	Khối lớp 5	/	/
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	/
2	Cát xét	5	1
3	Đầu Video/đầu đĩa	/	/
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	/
5	Thiết bị khác		
6	Bảng tương tác + ti vi led	3	/

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	108
XI	Nhà ăn	112

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	402	200	2
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		192
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Cần Thạnh, ngày 06 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Minh Huệ



